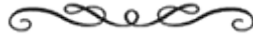


SAO HÔM, SAO MAI



Giữa tháng Tư 1974, một trận đánh vô cùng ác liệt và đẫm máu đã xảy ra bên dòng suối Mé (la Mé), cách Pleiku 30 cây số về hướng Tây Nam. Trong hai ngày 14 & 15 tháng Tư 1974, Tiểu đoàn 82 /BĐQ/QLVNCH bị hai Trung đoàn 48/SĐ320 & 64/SĐ320/CSBV xa luân chiến, tấn công bằng chiến thuật biển người. Sau những cơn mưa pháo là những đợt xung phong. Cuối cùng, địch đã dùng tới thủ pháo chứa hơi ngạt để dứt điểm. Trưa 15 tháng Tư 1974 Cộng Quân tràn ngập căn cứ hỏa lực 711. Dù bị đánh văng ra khỏi căn cứ, Tiểu đoàn 82/BĐQ vẫn không bỏ chạy khỏi vùng. Gần hai trăm chiến sĩ bị thương nặng, nhẹ đã từ chối tử thương, họ đã đầu lưng cùng nhau bám đất, chờ tiếp tế đạn để phản công. Rồi hai ngày sau, với sự hỗ trợ của một tiểu đoàn bộ binh, Tiểu đoàn 82/ BĐQ trừ (-) đã trở lại trận địa để đánh một cú hồi mã cực kỳ dũng mãnh. Dạ chiến là sở trường của Biệt Động Quân Plei-Me, vì thế, chỉ sau hai đêm, lực lượng Cộng Sản bám trụ đã bị đánh bật ra khỏi vị trí cố thủ. Chiến dịch kết thúc với tổn thất nặng nề của cả đôi bên, ta và địch. Thiệt hại phía ta là trên 50 quân tử trận. Thiệt hại phía địch là trên 200 quân bị giết (trong đó có một thượng tá). Từ đó, căn cứ hỏa lực 711 được gọi kèm thêm cái tên “Đồi Thịt Bằm”. Trận chiến qua nhanh như mưa bóng mây, nhưng mãnh liệt như một cơn dông mùa hè.

Rồi, tình hình lắng dịu, địch và ta lại ghìm quân, chờ dịp ra tay khi phát giác sơ hở của kẻ thù. Ở Plei-Me, thời gian ấy, đơn vị tôi chịu trách nhiệm một vùng cố định. Tôi có cảm tưởng như mình là một tiểu tướng cầm quân thời Tam-Quốc. Tôi đã phải nặn óc, vận dụng hết khả năng, kinh nghiệm, sở trường của mình để đương đầu với một đơn vị địch mạnh gấp năm sáu lần đơn vị mình. Tôi biết rõ Sư đoàn 320 CSBV từ xuất xứ, tổ chức trận liệt, tới thói quen, sở trường, sở đoản. Địch thủ của tôi, những người chỉ huy tác chiến của Sư đoàn 320/Điện-Biên, cũng là những tay dày dạn kinh nghiệm trận mạc. Họ rất tinh khôn, và không kém can trường, liêu lĩnh. Trong thời gian này, có một mẫu điện đàm của địch lọt vào đài kiểm thính của ta, trong đó, chính ủy Sư-Đoàn 320/Điện-Biên, đã cảnh giác các đơn vị dưới quyền, “Phải tránh né tối đa mọi đụng độ trực tiếp với thằng Hai Nâu”. Phòng 7 giải mã, cho tôi biết địch gọi TĐ82/BĐQ là “Thằng Hai Nâu”.

Một ngày, giữa tháng Sáu 1974, trong khi tôi cùng hai đại đội đang lục soát vùng Nam núi Chư Gô thì được thông báo cái điện thứ nhì, “Thằng Hai Nâu đang hoạt động dã ngoại, phải khẩn trương ôn tập, đánh tiêu hao nó...” điện văn này của Bộ Tư Lệnh SĐ320/CSBV ra lệnh cho Trung đoàn 48/SĐ320. Sáng sớm hôm sau, từ đỉnh núi cao, qua ống nhòm, tôi thấy rõ những vết cỏ tranh trên những ngọn đồi hướng Bắc Chư Gô rạp xuống như những luồng cày. Hình như trong đêm, cả trăm người đã đạp trên cỏ để tiến về suối Lé (la Glacé). Suối Lé chạy dài từ Đông Bắc xuống Tây Nam, sát chân núi Chư-Gô. Con suối này cắt ngang trực tiến trên phóng đồ hành

quân của tôi. Tôi ra lệnh cho Đại úy Quách cơ Bình (k22 A) đang là tiểu đoàn phó giữ trại, đóng chặt cổng rào, nội bắt xuất, ngoại bắt nhập. Suốt ngày hôm đó, tôi đã dội hàng trăm quả cối 4.2 (106 ly) và đại bác 105 ly trên những hàng cây gai xanh bên bờ con suối. Quân dã ngoại của tôi ém trong núi, không lửa khói, chịu đói. Rồi trong đêm, lợi dụng bóng tối, im lặng vô tuyến, theo đường tắt, tôi rút êm. Về tới cổng Nam trại Plei-Me tôi mới lên máy gọi chú Bình. Chỉ chừng mười phút sau cú điện đàm giữa tôi và Đại úy Bình, thì từ biên giới Miên, địch đã nã khoảng hai trăm trái đại bác vào trại. Từ vài năm nay, hầu như tất cả điện đàm vô tuyến của ta đều bị địch nghe trộm. Âm mưu của địch đã bị ta phát giác, cú đánh tiêu hao không xảy ra. Hụt ăn, địch gỡ gạc! Vụ pháo kích gây cho hai căn nhà tôle bị sập, và một binh nhì gốc Chợ Lớn bị tử thương. Rồi tình hình lại yên...

Cuối tháng Sáu có tin mật báo, một cấp chỉ huy Cộng Sản chiều chiều cuời ngựa, thám sát khu ngã ba làng Xổm (Plei Xôm). Làng Xổm nằm về hướng Bắc, dưới chân ngọn núi lửa, cách Plei-Me chừng bảy cây số. Làng này đã bị bỏ hoang từ lâu. Trên bản đồ hành quân, làng Xổm nằm sát ranh giới hoạt động của Trung đoàn 42/ Bộ Binh trừ (-) và Tiểu đoàn 82/ Biệt động Quân. Trung tá Nguyễn thanh Danh (k19 VB) trung đoàn phó Trung đoàn 42/ Bộ Binh đang chỉ huy cánh quân bộ binh. Tôi muốn đích thân giảng dạy hạ thành Việt Cộng gộc này. Sợ khi đụng trận, bắn nhầm quân bạn, tôi muốn anh Danh chia cho tôi thêm một cây số trách nhiệm về hướng Bắc. Chuyện không thể nói trên vô tuyến, vì vậy tôi phải lái xe ra căn cứ 711 gặp mặt Trung tá Danh. Tại căn cứ hòa lực 711, Trung tá Danh đi vắng, nhưng may mắn, tôi đã gặp Đại tá Nguyễn hữu Thông (k16VB) trung đoàn trưởng Trung đoàn 42 /SĐ22 Bộ Binh đang có mặt. Tiểu đoàn tôi nằm dưới quyền giám sát hành quân của Niên trưởng Thông.

Niên trưởng Thông hỏi:

– Danh nó về Pleiku, mai mới vô. Cần gì vậy em?

Đứng trước tấm bản đồ hành quân, tôi kể cho Niên trưởng Thông nghe tin tức địch tôi vừa nhận được, và ý đồ hành động của tôi, rồi đề nghị:

– Niên trưởng nói thêm cho tôi một click về Bắc, để tôi dễ bề xoay trở.

Đại tá Thông đồng ý ngay:

– Okay, Làm đi! Chắc tên Vi-Xi này tới số nên mới gặp chú...

Chuyến làm ăn dự trù này của tôi bị khựng lại vài ngày vì chú Quách cơ Bình (TĐ Phó) được lệnh chuyển về nguyên quán. Trong khi chờ một vị tiểu đoàn phó mới tới bổ sung, tôi đem Đại úy Bá, sĩ quan chỉ huy hậu cứ tiểu đoàn vào giữ đồn Plei-Me trong lúc tôi xuất trại. Toán viễn thám của Trung sĩ Nguyễn Chi và toán cận vệ của Hạ sĩ Nguyễn Ba sẽ tháp tùng tôi vào vùng. Lực lượng an ninh ban đầu để tôi thiết lập vị trí là Đại đội 1/82. Khi tôi đã hoàn tất tổ chức địa thế,

lực lượng này sẽ rút lui theo đường tắt để về phòng thủ trại. Lực lượng trừ bị cho tôi là Đại đội 3/82 của Thiếu úy Phạm đại Việt, sẽ án binh trong khu suối đá, bốn cây số hướng Tây Bắc Plei-Me. Tôi đã dự trừ mọi phản ứng thích nghi nếu có bất cứ trục trặc nào xảy ra bất ngờ. Trừ sáu người đi theo tôi trong chuyến làm ăn này, những quân nhân còn lại trong đơn vị hoàn toàn không biết thầy trò tôi đi đâu. Trên tần số, không ai được phép đã động tới việc tôi xuất trại.

Tôi chọn “Vùng làm ăn” trên đoạn đường xe be cách ngã ba Tỉnh lộ 6C làng Xỏm chừng một trăm mét. Hai bên bờ rừng của đoạn đường này không bị khai quang như hai bên lề Tỉnh lộ 6C. Cây rừng chen chúc nhau, lau lách um tùm, khu này rất thuận lợi cho một cuộc bố quân phục kích. Mìn sáng hai quả Claymore đã gài xong. Hướng nổ của hai quả mìn đánh chéo nhau thành hình chữ “W”. Bụi lau nơi mô đất giữa đường là điểm mồi. Hai lần đạn chì của Claymore sẽ giao nhau chỗ này. Tử địa chỉ dài chừng năm chục mét thôi, nhưng con mồi nào lọt vào tử địa là coi như Diêm Vương đã gọi. Ngày thứ nhất trôi qua, vô sự. Ngày thứ nhì trôi qua, vô sự. Ngày thứ ba, vào lúc mặt trời đứng bóng giữa đỉnh đầu... Binh nhứt Y Huynh nói nhỏ vào tai tôi:

– Thiếu tá! Có tiếng xe!

– Tao có nghe gì đâu?

Tôi quay sang hỏi chú Chi:

– Ê! Chi! Có nghe tiếng gì không?

Trung sĩ Chi nghiêng tai lắng nghe một lúc, rồi lắc đầu:

– Dạ không. Em không nghe gì cả!...

Lúc sau, thằng Y Huynh vừa giựt vạt áo tôi, vừa càu nhàu:

– Em nghe rõ có tiếng máy xe mà ông thiếu tá! Đó! Đó! Nghe rõ chưa?

– Ủ! Tai thằng này thính thiệt. Có tiếng xe xa lắm...

Rừng già xanh rì trải dài mênh mông. Trong gió, từ hướng Tây, phía làng Gà (PLeI Bon Ga) có tiếng xe rồ máy. Tôi leo lên một ụ đất cao ngỏng cổ quan sát. Từ xa, từng cụm khói xe phun lên khỏi đọt cây. Chim rừng hoảng hốt vụt lên không mỗi khi đoàn xe sắp tới gần nơi chúng kiếm ăn. Đoàn cơ giới đang tiến về phía chúng tôi, tiếng động cơ rõ dần, gần từng con, như tiếng xe tank, ít nhứt cũng cỡ năm bảy chiếc. Tôi ghé tai chú Chi và chú Ba ra lệnh:

– Chuẩn bị đánh tank! Đánh gục chiếc đầu. Xong là rút liền!

Chúng tôi cấp tốc chuyển địa bàn phục kích về hướng đầu con dốc ngược trên đoạn đường xế ngang một ngọn đồi nhỏ. Con đường độc đạo chạy giữa hai bờ đất cao bốn, năm thước. Bầy Biệt

Động Quân, bố trí trên bìa đường, dòm xuống. Tôi tin tưởng rằng, với hai ống M72 và hơn chục quả lựu đạn vừa miêng, vừa lân tinh, thế nào tụi tôi cũng “thịt” được một chiếc tank đi ngủ ngủ dưới kia (!) Chúng tôi nín thở, nép mình trong cỏ, đợi chờ... Tiếng động cơ đã gầm gừ dưới chân dốc. “Ỉm! Ỉm!...ì...ì...ì... Ỉm!...” đoàn xe rồ máy lầy đà leo lên. Thời nhảy toán trong Plei-Trap Valley (1972) tôi đã có dịp nghe tank địch chạy sát bên mình vài lần. Ngoài tiếng động cơ gầm từng cơn, tank di chuyển còn gây tiếng “két! két!” của xích sắt khi móc xích bám vào guồng quay. Lần này, chiếc tank đang tiến tới không gây ra tiếng “két! két!”.

Cành lá rung rinh, mặt đất cũng rung rinh khi chiếc chiến xa đầu tiên tiến lên đỉnh dốc. Vòm tre xanh đầu dốc đang bị chẻ đôi bởi chiếc cần cẩu trên xe đang di chuyển. Thì ra đó chỉ là một chiếc xe be! Cái cần cẩu sơn đỏ của nó cao hơn ngọn tre, nhô lên không. Tôi vội nắm sợi dây ba chạc của chú Chi, ra dấu cho chú đừng phóng viên M72 đi. Dưới đường, chiếc xe be thứ nhứt rồ máy liên tục để lầy đà, kéo chiếc thứ nhì sau lưng. Vì phải kéo một sức nặng gấp đôi, nên động cơ xe gầm rú dữ dội. Mới nghe, ngỡ tiếng máy xe tank. Chúng tôi thở phào, nhẹ nhõm. Thoáng chốc, đoàn xe be năm chiếc theo nhau qua con dốc. Chú Ba làm bậm:

– Đồ phá thói!

Thấy công việc làm ăn không thuận lợi, tôi cho lệnh cuốn gói. Theo đường tắt, chúng tôi rút về tiền đồn Bắc của trại. Khoảng bốn giờ chiều, toán canh gác báo động xa trên Tỉnh lộ 6C cách trại hai cây số báo cáo có mười hai người dân khai thác lâm sản xin vào trại tá túc vì xe be của họ bị hư không thể chạy về Pleiku. Tôi cho lệnh toán an ninh giữ họ tại chỗ chờ tôi xuống tiếp xúc với họ. Đám dân khai thác gỗ này gồm một phụ nữ, một chú bé và mười đàn ông. Người thiếu phụ tuổi trên dưới ba mươi, nhan sắc dễ coi. Mặt chị ta có một vết chàm trên má. Chị khai là chủ hai chiếc xe be, một chiếc bị Việt Cộng bắn cháy đầu máy, phải kéo. Qua đoạn đường đèo ngã ba làng Xổm thì chiếc xe kéo bị “lột dên” không tiếp tục được. Họ biết đường vào Plei-Me để đi hơn đường ra căn cứ 711 nên xin vào tá túc. Tôi cho phép đoàn người làm rừng này vào đồn, tạm trú qua đêm trong Câu Lạc Bộ tiểu đoàn.

– Tôi là người quen của Trung tá Danh... bà chủ xe be khoe với tôi.

– Tại sao xe của bà bị Việt-Cộng bắn? Bộ bà không đóng thuế cho Cộng Sản à?

– Hai tuần nay họ ra lệnh cấm xe be vào khu vực quanh Ia-Drang. Vi phạm lệnh cấm là họ bắn. Tụi tui không rõ lệnh này, nên họ bắn bể két nước chiếc xe đi đầu. Tha cho những chiếc chạy sau, rồi đuổi chúng tôi về.

– A ra thế!

Tôi hỏi chuyện những người thợ rừng về tin tức địch, nhưng họ cũng không biết gì hơn. Tôi vào máy, gọi Trung tá Danh, báo cho anh biết tin tức người quen của anh đang tá túc trong trại Plei-

Me, sáng mai đoàn xe của họ sẽ dắt dìu nhau về qua căn cứ 711.

Ngày kế tiếp...

Mặt trời lặng lẽ nghiêng từ từ xuống rặng Chư Prong sát biên giới Việt Miên.

“Oách! Oách! Oách!... Quàng! Quàng! Quạc! ... ụt! ụt! ụt!...” Đàn chim khách rời cành, vụt bay lên không. Hướng Tây, tiếng chim rộ từng chập. Chúng tôi nín thở.

“K’rọc! ...K’rọc! ...” “Hừm! ...Hừm!...”

Có người đang đi tới! Nhưng tiếng động phát ra nghe lạ quá! Con cóc Claymore trên tay tôi đã sẵn sàng. Tiếng “K’rọc!... K’rọc!...” -“Hừm!... Hừm!...” gần hơn, tiếp đó là lạo xạo bước chân dẫm trên lá khô. Một bóng người ngã trên đường. Cái bóng dài dần tới gần điểm mốc, ranh giới của tử địa.

“K’rọc!... K’rọc!...” -“Hừm!... Hừm!...”

Trong nắng xé tà, một người đàn ông Thượng, cởi trần, đóng khố, vuông khăn xéo quấn trên trán, miệng phì phà ống vố, đang vô tư bước trên đường xe be. Tay phải anh ta giữ chuôi con dao quắm vác trên vai. Mỗi khi nuốt xong một đọt khói thuốc, anh chàng này lại háng giọng, “Hừm!... Hừm!...” Còn tiếng “K’rọc!... K’rọc!...” đều đều là do con dao ngắn trong bao tre trên hông anh ta, lắc lư theo nhịp bước. Anh dân Thượng đứng đĩnh đi qua tử địa. Bóng anh ta mất hút chỗ khúc quanh nơi con đường mòn nhập vào Tinh lộ 6C. Núi rừng lại trở về cảnh cũ, lạnh lùng, vắng lặng.

Chớm bóng chiều. Muỗi rừng “O...o...o...” sau gáy. Sợ địch đánh hơi nghi ngờ, dù nằm cuối gió, chúng tôi cũng không dám xoa thuốc chống vắt, chống muỗi. Những con muỗi quái ác, thấy con mồi không phản ứng tự vệ, nên châm chích trên da thịt chúng tôi một cách thoải mái. Có con bị bội thực, ẽnh bụng no máu, lặn kèn ra bò, không bay nổi. Chúng tôi cẩn rặng chịu đựng nỗi ngứa dày vò, không dám gãi, không dám đuổi xua đàn muỗi đói.

Chợt rừng chiều xào xạc... “Oách! Oách! Oách!... Quàng! Quàng! Quạc!... ụt! ụt! ụt!...” Hướng Tây, đàn chim khách lại rời cành, vụt bay lên không. Lần này tiếng chim rộn rã, dồn dập hơn lần trước. Rồi chúng tôi thót tim, khi nghe tiếng vó ngựa nện trên đường, “Lộp cộp!... Lộp cộp!... Lộp cộp!...” Tôi hít một hơi dài cho không khí vào đầy lồng phổi. Tay tôi cầm chắc con cóc Claymore. Tôi liếc mắt ra dấu cho chú Ba. Ba gật đầu, tay chú cũng đang nắm chắc một con cóc Claymore. “Lộp cộp!... Lộp cộp!... Lộp cộp!...” một con ngựa đen, cao to, chắc nó thuộc giống giống ngựa thồ, lững thững tới gần bụi lau có đánh mốc bên đường. Trên lưng ngựa là một người to lớn, y phục đen, có dây súng lục đeo chéo qua vai. Tôi nghiêng rặng, bám cò con cóc, “K’rạch!”. Con cóc đã kích hỏa, nhưng quả mìn không nổ! Con ngựa như nghe được tiếng động lạ, nó đứng dừng lại, hai vó trước đỡ hồng, quơ quơ lên trời. “Hí!... Hí!... Hí!... í!.. í!... í!...” Con ngựa cất vó, ngựa

cổ hí. Một cái bóng đen bay vòng qua đầu con ngựa, rơi trong bụi lau bên kia đường. “Oành!” quả Claymore của Hạ sĩ Ba nổ! Ào ào một cơn lốc bụi đỏ bốc lên, kéo theo cành lá gãy. Tiếp đó, “Ret! Ret! Ret!...” bầy khẩu M16 bắn chéo nhau, đạn đạn sát mặt đất. Con chiến mã quằn quại trên mặt đường xe be, miệng phì phì sùi bọt.

Tôi và Trung sĩ Chi tiến ra chặn nút hai đầu đường. Hạ sĩ Ba và bốn tay súng băng nhanh qua đường, kiểm soát kết quả. Minh ngựa bị ghim đầy vết Claymore và vết M16. Nhưng trong vòng bán kính một trăm mét, chúng tôi không tìm ra dấu tích của chủ nó. Đại đội 3/82 của Thiếu úy Phạm Đại Việt đang hoạt động vùng Tây Bắc Plei-Me được điều động hỏa tốc tiến về hướng Bắc, ngăn chặn con đường về làng Gà.

Suốt ngày hôm sau, chúng tôi lục soát từng tấc đất quanh vùng tử địa. Nơi con suối hướng Bắc con đường, chúng tôi tìm được dấu giày lưu lại của con mồi. Con mồi đã thoát thân thẳng về hướng Bắc. Tôi kiểm lại quả Claymore của tôi thì phát giác ra rằng, sức điện đã làm đứt một trong hai sợi dây chì gắn vào đầu ngòi nổ, khiến dòng điện bị ngắt, trái mìn câm. Chú Chi cảm râm:

– Chắc thằng “cội” này có bùa!...

Ít lâu sau...

Trung đoàn 42/SĐ22 Bộ Binh chuyển vùng hoạt động về Bình Định, căn cứ 711 được bàn giao cho Liên đoàn 24 BĐQ trách nhiệm. Lúc này vùng hành quân của TĐ 82/BĐQ được thu hẹp lại về hướng Nam hai cây số. Làng Xổm nằm trong vùng trách nhiệm của TĐ81/BĐQ. Thiếu tá Nguyễn Ngọc Lân đã đặt bản doanh Bộ chỉ huy Tiểu đoàn 81/BĐQ của ông ngay dưới chân ngọn núi lửa nơi ngã ba làng Xổm.

Trưa 27 tháng Bảy 1974 chiến dịch tấn công xóa sổ đồn Plei-Me mở màn. Với sự yểm trợ trực tiếp của một tiểu đoàn pháo, Trung đoàn 64/SĐ320 CSBV hướng Bắc, Trung đoàn 48/SĐ320 CSBV hướng Nam, đồng loạt mở một cuộc bôn tập tập kích hai tiểu đoàn Biệt Động Quân đang hành quân mở đường dọc Tỉnh lộ 6C. Sau hòa đàm Paris, chiến thuật bôn tập tập kích đã được các đơn vị Cộng-Sản thuộc Mặt Trận B3 áp dụng một cách bài bản và hiệu quả. Chiến thuật này là một sự phối hợp nhịp nhàng giữa pháo kích và di chuyển tập kích. Bộ binh địch khẩn cấp di chuyển bằng rừng tiến tới mục tiêu, trong khi pháo địch tác xạ tới đa trên vị trí quân ta. Khi pháo địch vừa ngừng thì bộ binh địch đã ở kề bên ta rồi. Ta chưa kịp chấn chỉnh đội hình thì địch đã xung phong. Vì vậy, ngay đợt xung phong đầu, Việt Cộng đã chặt đầu Thiếu tá Nguyễn Ngọc Lân, vị tiểu đoàn trưởng của TĐ81/BĐQ bên chân núi lửa. Cùng ngày, chúng đã bắt làm tù binh ông tiểu đoàn phó TĐ81/BĐQ là Thiếu tá Trần Văn Ngọc (k18 VB).

Trong khi đó, tại mặt trận phía Nam, Trung đoàn 48/SĐ320 của địch không tiến được bước nào. Suốt ngày 27 tháng Bảy 1974, ba đợt tập kích của địch đều bị chặn đánh từ xa bởi những toán

viễn thám. Pháo địch dứt, nhưng tiền quân địch chưa tới mục tiêu. Khi lực lượng tập kích địch tới được mục tiêu thì khả năng tác chiến đã giảm đi nhiều. Mục tiêu của địch là con đường, nhưng trên mặt đường và hai bên đường trống trơn, địch xung phong vào chốn không người. Trước đó, pháo địch nổ dày đặc trên mặt Tỉnh lộ 6C chỉ cày xới đất đá vô tri, vì quân mở đường của TĐ82/BĐQ không trải dài trên trục lộ như thói quen của các đơn vị khác khi hành quân khai lộ, mà đóng chốt chặn các trục xâm nhập bằng cấp đại đội với hố cá nhân và giao thông hào. Cách bố quân dã ngoại đặc biệt lạ lùng này của TĐ82/BĐQ đã khiến Trung đoàn 48/SĐ320 CSBV không thi thố được sở trường bôn tập của nó. Lần đầu tiên trên chiến trường Tây-Nguyên, chiến thuật bôn tập, tập kích của Mặt Trận B3 thất bại.

Những ngày sau đó, tiền đồn Plei-Me bị cô lập, và địch lại tiếp tục cái màn xa luân chiến. Hết Trung đoàn 48/SĐ320 đến Trung đoàn 64/SĐ320, rồi tới Trung đoàn 26 Địa Phương/Mặt Trận B3 thay nhau phơi thầy trên các lớp rào kẽm gai phòng thủ Plei-Me. Hai mươi đợt biển người, biển lửa, mưa pháo, mưa truyền đơn của Sư Đoàn Điện-Biên vẫn không hạ nổi lá cờ vàng ba sọc đỏ phấp phật tung bay trên ngọn cột gỗ giữa sân tiền đồn biên phòng này. Trận đánh đã kéo dài ba mươi tư ngày đêm. Sáng mùng 2 tháng Chín 1974 chiến dịch vây hãm Plei-Me chấm dứt. Thêm một lần đụng độ, “Thằng Hai Nâu” đã chứng tỏ cho địch biết rằng, ở Tây-Nguyên, Tiểu đoàn 82/Biệt Động Quân là một địch thủ vô cùng lợi hại, một địch thủ chúng không thể đánh bại. Trung đoàn 48/SĐ320 là đơn vị địch bị thiệt hại nặng nề nhất trong đợt cao điểm này. Trung đoàn này phải rút về biên giới để bổ sung và tái huấn luyện.

Tới đầu năm 1975, Trung đoàn 48/Sư đoàn 320 được giao nhiệm vụ chủ công trong chiến dịch tấn công Ban-Mê-Thuột. Lúc đó Tiểu đoàn 82/BĐQ đã chuyển vùng về bảo vệ tỉnh Quảng Đức. Vì thế “Thằng Hai Nâu” và những đơn vị trực thuộc SĐ320/Điện Biên CSBV không còn dịp nào chạm mặt nhau nữa...

Sài Gòn, ngày 7/5/1975,

Hai chiếc xe con của Quân-Đội Nhân-Dân Việt-Nam ngừng lại nơi đầu hẻm TK9, phường Nguyễn Cảnh Chân, Quận 2, Sài Gòn. Một người cao lớn, bặm quăn phục lực lượng vũ trang Cộng-Sản Bắc-Việt bước xuống từ chiếc xe thứ nhất. Ông ta trạc tuổi trên bốn mươi, đeo kính râm, cặp da, súng ngắn. Ve áo ông ta lấp lánh quân hàm thượng tá của Quân-Đội Nhân-Dân Việt-Nam, với ba sao, hai gạch vàng, trên nền nỉ đỏ. Xe thứ nhì có máy truyền tin với bốn bộ đội trang bị AK. Người sĩ quan Bắc Việt cùng hai hộ tống viên đi vào ngõ TK9, tìm địa chỉ. Tới căn lầu đúc gàn cuối hẻm, họ dừng lại. Người sĩ quan CSBV cất tiếng hỏi:

– Phải nhà này có Vương Mộng Long không?

Lúc đó tôi đang ngồi đọc báo nơi phòng khách. Tôi ở nhà một mình. Mẹ tôi đi vắng. Bà cụ lên Ban-Mê-Thuột để tìm kiếm vợ con tôi.

– Phải! Các ông cần gì?

– Tôi muốn gặp Vương Mộng Long.

Thấy có người trang bị súng ống đến tận nhà gọi đích danh mình, tôi liền tưởng ngay tới một vụ bắt bớ. Tuy hơi chột dạ, nhưng tôi vẫn từ tốn trả lời:

– Tôi đây!

– A! Anh Long đây hử? Anh Long có mạnh khỏe không?

– Cám ơn ông, tôi vẫn khỏe.

Ông thượng tá Quân-Đội Bắc-Việt quan sát tôi vài giây rồi nói:

– Vất vả hai ngày nay tôi mới tìm được địa chỉ của anh. Tôi có chuyện muốn nói với anh, anh có vui lòng tiếp tôi hay không?

– Vâng, mời ông vào nhà.

Để hai cận vệ đứng gác bên cửa ngăn đám trẻ con hàng xóm tò mò bu quanh, người sĩ quan CSBV bước vào nhà tôi. Ông ta không hề đảo mắt quan sát căn phòng khách. Ít người có thái độ thế này khi vào nhà người lạ. Ông gỡ cặp kính đen, bỏ mũ xuống mặt bàn, chìa tay ra cho tôi bắt. Bàn tay to lớn, sần sùi, rắn chắc, nhưng rất ấm. Rồi ngồi ngay xuống ghế, với giọng oang oang, tiếng Bắc, pha chút âm sắc lơ lớ Thượng-Du Bắc-Việt, ông ta mở lời:

– Anh Long có nhận ra tôi không?

– Xin lỗi! Ông là ai? Tôi không nhớ đã gặp ông lúc nào.

– Tôi là người bị anh giết hụt ở Tây Nguyên cách đây một năm.

– A...

– Tháng Sáu năm ngoái, anh đã phục kích tôi ở làng Xôm. Con ngựa của tôi bị bắn chết, nhưng tôi thoát. Tôi muốn gặp anh, xem mặt anh, nói chuyện với anh vài phút. Thế nào, có được không?

– Ừ...ừ.. ông cứ tự nhiên...

Đôi mắt ông khách sáng quắc, giọng nói của ông oang oang, cung cách của ông thật là chất phác thực thà. Lần lượt, ông thượng tá hỏi qua quẻ quán của tôi nơi nào ngoài Bắc? Năm nào gia đình tôi vào Nam? Gia cảnh tôi thế nào? Vợ con tôi ra sao? Tôi tình nguyện đi lính Ngụy hay đã bị bắt lính, động viên? Bao nhiêu lần thương tật? Bao nhiêu lần được tặng thưởng huân chương? Qua thái độ và giọng nói của ông ta, tôi thấy người địch thủ cũ của mình không có ý tầm thù. Vì thế, lòng tôi cũng cảm thấy bớt lo ngại. Người sĩ quan Bắc Việt ôn lại chuyện xảy ra trong những

ngày tháng khói lửa mịt mù ở Điện Biên Phủ, ở Quảng-Trị, ở Tây-Nguyên.

Ông khách thao thao:

– Tớ là con quan Lang xứ Cao-Bằng. Mười bảy tuổi tớ vào bộ đội đánh Tây. Tớ phục vụ Sư đoàn 320 từ ngày thành lập, cho tới tận bây giờ. Đánh Điện-Biên tớ làm đại đội trưởng. Thời đi B, xâm nhập Miền Nam, tớ làm trung đoàn trưởng. Mười năm đánh Tây, hai mươi năm chống Mỹ, vào sinh, ra tử. Giờ này mới thấy hòa bình...

Ông khách kể tự truyện, theo đó, trước 1945 ông học trường Tây ở Hà-Nội. Ông sắp thi “Diplôme” thì Cách Mạng Tháng Tám xảy ra, ông đi theo kháng chiến, giữ chân liên lạc viên, rồi thành bộ đội. Ông kể chuyện đánh thắng Điện-Biên, thời Tây, chuyện giải phóng Tân-Cảnh, thời Ngụy, chuyện hai lần suýt bị máy bay B 52 làm cỏ ở Pơ-Lây Cẩn (Ben Het), chuyện Sư đoàn 320/Điện-Biên CSBV rời địa bàn Kontum, chia đôi, một nửa về chiến trường Bình-Định, một nửa xuôi Jarai. Rồi khách rầu rầu vẫn tắt nhắc trận thư hùng tháng Tư 1974 bên bờ Suối Mé (căn cứ 711). Trận này, sau khi dùng hơi ngạt để tấn công tôi, suýt tí nữa ông ta đã bắt sống được tôi, nhưng cuối cùng, ông ta đã thua tôi (TĐ82/BĐQ).

Khi kể tới trận vây đồn Plei-Me 34 ngày đêm (tháng 7 & 8 năm 1974) ông ta la lớn:

– Đúng là kỳ phùng địch thủ! Tớ không ngờ trên đời lại có thằng lì như cậu! Hết xung phong tới pháo, hết pháo tới truyền đơn, hết truyền đơn lại pháo. Vậy mà cậu vẫn không chịu đầu hàng!

Cuối cùng tụi tớ phải bỏ cuộc! Gớm thật!

Sau câu, “Gớm thật!” ông ta vỗ đùi đánh “độp!” một cái, rồi nhìn tôi, tán dương:

– Lì thật! Tớ khen cậu đó!

Tiếp theo, khách thao thao về chiến tích của trung đoàn chủ công giải phóng Buôn Ma Thuột tháng Ba 1975 và màn bôn tập Quân Đoàn 2 Ngụy trên đường rút chạy. Với chiến công này, ông trung tá trung đoàn trưởng CSBV đã được thăng cấp thượng tá. Khách nói nhiều hơn chủ nhà. Khách nói say mê, miên man, trong lúc chủ nhà chỉ ậm ừ. Ông ta là kẻ chiến thắng, có thể để nói. Tôi là người thua trận, mở miệng mắc quai. Trên môi khách là nụ cười tự hào. Trên môi tôi, nụ cười như mếu. Trong dịp gặp mặt ngày hôm ấy, ít nhất, đã ba lần, ông ta thắc mắc:

– Động cơ nào khiến cậu chiến đấu một cách ngoan cường, lì lợm như thế?

Tôi chỉ trả lời thật gọn:

– Vì chữ hiếu!

Nghe vậy, ông ta có vẻ không thỏa mãn với câu trả lời của tôi, nhưng ông ta cũng không gắng

hỏi thêm.

Cuộc thăm viếng chấm dứt, tôi tiễn người khách không hẹn gặp ra về. Nơi bực cửa, khách nhìn vào mặt tôi, dịu giọng như thông cảm:

– Tôi còn ở Sài Gòn ít lâu nữa. Tôi được đề cử vào đây dự lễ nhận huân chương do Bác Tôn trao tặng. Trước lúc chia tay, tôi muốn nói với anh rằng, chúng ta đã đánh nhau hai lần trên Tây-Nguyên, hai lần bắt phân thắng bại. Cuối cùng, anh là người thua trận. Dù rằng anh là lính Ngụy, tôi vẫn coi trọng anh, vì anh là một ngôi sao sáng hiếm hoi. Tôi với anh như Sao Hôm với Sao Mai, anh sáng thì tôi tối, anh tối thì tôi sáng. Hôm nay tôi đến thăm anh, an ủi đôi lời. Thương cho anh, một vì sao rụng.

– Cám ơn ông.

Vào lúc người sĩ quan Cộng Sản cất bước, tôi cố với theo:

– Ở suối Mé ông giết hụt tôi. Ở làng Xổm tôi giết hụt ông. Thế là hòa. Còn trận Plei-Me ba mươi tư ngày đêm, thì ông thua tôi rành rành. Về cái vụ Ban-Mê-Thuột, tôi công nhận, ông đã chiến thắng. Nhưng người đánh nhau với ông ở Ban-Mê-Thuột không phải là tôi.

– Anh nói đúng. Trong trận Buôn-Ma-Thuột không có “Thằng Hai Nâu”. Và trong số những người bị tôi bắt, không có anh...

Khi thốt ra những lời cuối cùng này, mặt ông ta hơi sầm lại, ngưng ngưng. Vài phút sau, hai chiếc xe con của Quân-Đội Nhân-Dân Việt-Nam và người khách không mời rời con hẻm.

Đầu năm 1988 tôi được tha từ trại cải tạo Z30D Hàm-Tân, Thuận-Hải. Tháng 11 năm 1988, tôi nộp đơn xin xuất cảnh sang Hoa-Kỳ tỵ nạn. Từ tháng giêng 1990, những người bạn nộp đơn xin xuất cảnh cùng thời với tôi như Phan Trần Bảo (Cảnh Sát), Đỗ Dũng (KQ), Lý Ngọc Châu (BĐQ) vẫn vẫn, đều đã lên danh sách, chờ ngày phỏng vấn. Riêng hồ sơ của tôi và hai anh bạn Nguyễn Thanh Danh (k19VB) và Lê Văn Để (BĐQ) vẫn bật vô âm tín. Tháng 8 năm 1990 tôi tới sở Công-An Quận 1 Thành phố để hỏi hồ sơ của mình thì được biết, cô Huyền, người nữ Công-An phụ trách hồ sơ của tôi đang nghỉ phép đẻ. Sau khi đẻ, cô ta lại chuẩn bị theo học một lớp Anh-Văn kéo dài nửa năm. Một anh bạn gốc Không-Quân đã giúp tôi rút hồ sơ ra để chuyển lên Sở Ngoại-Vụ. Anh Danh và anh Để cũng vừa lấy được hồ sơ ra, họ rủ tôi đi Hà-Nội làm thủ tục xuất cảnh để được cứu xét nhanh hơn. Người ta nói rằng, nếu đem hồ sơ ra Hà-Nội nộp cho Phòng Xuất Cảnh Bộ Ngoại-Giao, sẽ lướt qua ít nhất vài ba danh sách.

Hà-Nội, với tôi, cũng có chút kỷ niệm riêng tư thuở ấu thơ. Tôi vẫn mong một dịp nào đó trong đời, về lại chốn này, tìm dư hương ngày cũ. Tôi đạp xe một vòng quanh Sài Gòn, gặp người quen, xin viện trợ. Trung tá Bùi Văn Huấn, cựu liên đoàn trưởng Liên đoàn 22/Biệt Động Quân giúp tôi

100 nghìn đồng. Bạn tôi, (TQLC) Mai Văn Tấn (k21VB) cho tôi 100 nghìn đồng. Và anh Vũ Văn Ích, một người anh con dì con già của tôi cũng giúp tôi 100 nghìn đồng nữa. Thế là tôi có đủ lộ phí lên đường về Hà-Nội.

Hà Nội, một ngày tháng 8 năm 1990...

Tôi xuống ga Hàng-Cỏ vào buổi chiều. Thành phố thật rộn rịp đông vui, đầy người qua, kẻ lại. Loa phóng thanh trên cột điện bên đường và trên cổng vào ga đang oang oang phát đi những bài hùng ca thời chiến tranh chống Mỹ. Tôi bước vội qua đường, vì nhìn thấy bên phải con đường đâm thẳng vào cổng ga có cái bảng hiệu một khách sạn bình dân. Tôi vừa đặt chân trên lề phố bên kia, một người đàn ông lớn tuổi đã đứng chờ, dơ tay ngoắc:

– Tìm nhà trọ phải không?

– Phải...

– Phòng ngủ quốc doanh bảy nghìn một đêm, nước tắm giới hạn, khổ lắm! Về nhà tôi, năm nghìn một đêm, nước nôỉ thả cửa...

Tôi không tin lời người đàn ông này. Tôi vào phòng ngủ quốc doanh.

– Một người, bảy nghìn một đêm, cứ thêm một người, tính thêm ba nghìn...

Tiếp viên phòng ngủ quốc doanh cho giá cả một cách dứt khoát. Tôi bước ra cửa, người đàn ông đứng tuổi đã chờ sẵn:

– Bên kia đường... theo tôi...

Tôi theo chân người chủ nhà vào khu cư ngụ của công chức về hưu, đối diện với khách sạn quốc doanh. Khu cư xá này có khoảng trên dưới chục căn phòng. Ông chủ nhà trọ dẫn tôi vào căn phòng bên trái cư xá:

– Nhà tôi đây...

Rồi ông ta chỉ cho tôi cái sạp gỗ bên phải buồng ngủ:

– Chú ngủ ở đây. Cái tủ đứng có năm ngăn, ngăn thứ nhất dành cho chú, chìa khóa nằm trong ngăn tủ, đi đâu nhớ khóa ngăn của chú lại. Tắm giặt thì ra đằng sau nhà, có mười phòng tắm, nước chảy cả ngày. Bên khách sạn quốc doanh không có nước phông ten, tắm theo tiêu chuẩn, một thùng hai chục lít. Bên này, chú tắm chán thì thôi...

Ông chủ dẫn tôi ra sau nhà, nơi đây có một dãy mười phòng tắm có vòi hoa sen tươm tất sạch sẽ. Tôi thay bộ quần áo đi đường đầy bụi bặm chuẩn bị đi giặt. Ông chủ nhà lại ra đi. Tôi tắm giặt xong, quay về buồng thì ông chủ cũng trở lại, theo chân ông là một khách đàn bà. Cô ta sẽ nằm

trên cái sạp đối diện với tôi. Học tử thứ nhì của chiếc tủ đứng thuộc quyền cô ta. Một cái sạp, một ngăn tủ, tấm giặt thả giàn, năm nghìn một đêm, rẻ chán! Ông chủ nhà ngủ trên cái sạp sát tường, cách đầu giường tôi và đầu giường cô gái một lối đi rộng hai thước. Ba cái sạp kê thành hình chữ “U”. Ba người nằm trong một căn phòng hẹp, một người phát ngôn, hai người kia đều nghe rõ...

– *Này! Chú em nhà ở đâu mà phải ngủ ghé, không về? Ông chủ nhà gọi chuyện.*

– *Hải-Dương*

– *Hải-Dương xe chạy cả đêm, sao không về?*

– *Tôi có việc phải ở Hà-Nội vài ngày...*

– *Ừ hử! Vậy chứ chú em làm nghề gì?*

– *Buôn bán làng nhàng, theo tàu, ngược Bắc, xuôi Nam...*

– *Có thường ghé Sài Gòn không?*

– *Chuyến nào mà chẳng ghé...*

– *Ba, bốn năm nay anh không ghé Sài Gòn, bây giờ chắc đông, vui lắm nhỉ?*

– *Vâng, đông lắm, vui lắm... vậy chứ bác đã ở Sài Gòn hử? Bác làm gì trong đó?*

– *Tớ dạy học. Tớ dạy Đại-Học Khoa-Học...*

– *Ừa! Vậy ra bác là giáo sư...*

– *Tớ dạy đại học từ bảy năm (1975) tới tám năm (1985). Tám năm thì tớ về hieu...*

– *Tám năm, bác còn trẻ, sao về hưu sớm thế?*

– *Về vườn thì đúng hơn. Mới giải phóng, chúng nó cần mình. Sau... chúng nó thải mình, cho họ hàng, bà con, anh em, con cái chúng nó thay mình, kiếm ăn...*

– *Bác dạy môn gì trong thời gian đó? Chắc bác có bằng cao học, hay tiến sĩ?*

– *Bằng cấp con khỉ mốc! Tớ đang học lớp ba, chưa thi Sơ-Học Yếu-Lược (thời Tây) thì xảy ra cách mạng. Ba mươi năm theo Đảng, vốn liếng của tớ chỉ có mớ lý thuyết Cộng-Sản thuộc nằm lòng. Giải phóng Miền Nam xong, Đảng ủy yêu cầu tớ dạy Lý Thuyết Đảng cho học sinh đại học. Lúc đầu tớ cũng khóps, không dám nhận. Sau đó tớ đánh liều. Mà quả thật, có ai biết mình là thằng dốt đâu? Mười năm, nhờ ơn Đảng, tiếng nói của một thằng i tờ rít như tớ tự nhiên có trọng lượng... học sinh nghe theo răm rắp...*

– *Rồi sau đó...*

– Rồi sau đó ư? Tụi nhỏ du học Liên-Xô, Tiệp-Khắc trở về. Chúng nó thay chân những tên i tờ như tớ... tớ về hieu, xin được căn hộ này để ở. Già rồi, không ai thềm thuê mượn, tớ đành kiếm khách lỡ độ đường, cho họ trọ qua đêm, kiếm cơm...

– Chắc cuộc sống của bác cũng khá khả?

– Bữa no, bù bữa đói. Mưa thuận gió hòa thì có đồng ra, đồng vào. Giông bão vài ngày, không có khách, là meo mỡ rồi. Sung sướng gì đâu em ơi!

Tôi trải cái bản đồ thành phố Hà-Nội trên sạp, dò tìm con phố Hàng Bài. Cô khách trọ cùng phòng tò mò rướn cổ sang theo dõi:

– Tìm cái gì đấy hở?...

– Phố Hàng Bài...

– Hơi xa đấy nhá! Cứ gọi xích lô là đến ngay! Tìm làm gì cho mệt xác!

Ông chủ nhà nằm ngửa, mắt lim dim nhìn trần nhà, miệng cười khi khi:

– Chú em đi buôn đường Sài-gòn, Hà-Nội mà không biết phố Hàng Bài ở đâu thì có ngày lờ ngó đem hàng nộp cho dinh Thủ-Tướng...

Tôi đành nhỏ giọng, thú thật:

– Tôi là sĩ quan của Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa, cựu tù cải tạo. Tôi ra Hà-Nội để nộp đơn đi Mỹ...

– Tôi cũng đã nghi như thế, khi nghe giọng nói của chú em không còn thuần túy Hải-Dương. Chỉ vì tôi cũng là dân Hải-Dương. Trước chú, đã có đôi người của chế độ Sài-gòn cũ ghé đây, ngủ trọ, nộp đơn, chờ ngày ra đi. Mỹ quốc là thiên đường cho những người sa cơ, lỡ vận. Đòi chú như thế là may mắn lắm rồi...

Ông giáo sư đại học về hưu thờ dài:

– Con đường của chú đi, thấy sai mà đúng. Con đường của chúng tôi đi, thấy đúng lại sai... Đêm xuống đã lâu, phố phường bớt người qua lại, nhưng trên đài phát thanh Hà-Nội, Tô-Lan-Phương còn đang biểu diễn bài “Cô Gái Vót Chông”. Giọng cô Ca Sĩ Nhân Dân cao vút, nhọn hoắt như những ngọn chông tre. Những ngọn chông tre thời chống Mỹ, từ trên cột đèn và cổng nhà ga, theo nhau tới tấp lao vào màng nhĩ khách bộ hành. Ông chủ nhà thấp ngọn đèn dầu đặt trên nóc tủ. Ông tắt điện, căn phòng chột tối. Cánh cửa gỗ khép lại, cài then. Gỗ cửa khá dày, những ngọn chông Tô-Lan-Phương bị chặn lại ngoài hiên.

Sau mấy ngày ngồi gặt gù trên xe lửa, tôi thấy cái sạp gỗ của nhà trọ êm ái quá. Tôi nằm duỗi

thẳng cẳng để cảm thấy xương cốt mình như đang mềm đi, đang giãn ra. Từ giường bên kia, giọng cô gái trẻ bắt đầu, “Anh ở đầu sông, em cuối sông...” Giọng cô ta không cao vút, không nhọn hoắt, nhưng tôi chỉ nghe được câu đầu của bài ca, hai mi mắt tôi đã sụp xuống rồi. Một đêm qua êm đềm, không mộng mị.

Mười giờ sáng hôm sau, tôi rời phố Hàng Bài khi vừa hoàn tất việc nộp hồ sơ xin xuất cảnh. Một ngày rảnh rỗi, tôi lang thang trên ba mươi sáu phố phường Hà-Nội. Ở đây chỉ có những con đường nhỏ hẹp như đường phố cổ Hội-An trong Nam. Tiếng chuông xe điện “leng keng...leng keng...” làm cho thành phố này già nua thêm. Mặt trời đứng bóng, nắng hanh, tôi tạt về hướng hồ Hoàn-Kiến. Xung quanh một góc si cổ thụ, khách quây quần bên những gánh quà vặt, chè, thạch, óc đậu, kem quay, bánh tôm, bún chả, cháo lòng, thịt bò khô, khoai ngô nướng, nước chè tươi...

– Chè đỗ đen đi chú em...

– Cho tôi một bát.

Bà bán hàng đang múc chè vào bát, chợt ngừng tay, reo lên:

– Ông đại tá tới rồi, chè đỗ đen nhá?

Tôi giật mình: “Chẳng lẽ bà này quen mình, gọi đùa mình là đại tá?”

Nhưng tôi lầm, bà bán chè vừa nói với một phu xích lô mới ngừng bên lề. Trả lời bà, một giọng đàn ông oang oang:

– Bát to đấy nhá! Để lấy sức cuộc một ngày.

– Vâng, bát to. Mỗi ngày một bát chè to cho ông đại tá Điện-Biên, Tây-Nguyên lấy sức đánh... xích lô.

Ông phu xích lô ghé đít xuống chiếc ghế con, chiếc ghế quá nhỏ, so với cái mông đồ sộ của ông. Đưa tay quệt mồ hôi trên trán, người phu xe già than thở:

– Hôm nay ế ẩm, từ sáng tới giờ chưa được cuộc nào. Chán bỏ xừ...

– Đại tá mua gạo tháng này chưa? Dạo này tem phiếu giá chui cao quá..

– Nhà này ăn đông từng ngày. Tiền đâu mà mua tem, mua phiếu... Mẹ kiếp! Hồi xưa đánh Tây đánh Mỹ, nó cần mình. Bây giờ hòa bình, nó đuổi mình ra, nó ăn cả, đồ chó má!

Thấy tôi trở mắt theo dõi câu chuyện đổi trao giữa hai người, bà bán chè giải thích:

– Ông đại tá một đời theo Đảng. Anh hùng Điện-Biên, Tây-Nguyên đấy! Đáng nhẽ ra, những

người có công với tổ quốc, với cách mạng như ông phải được chiếu cố đặc biệt mới đúng. Ai đời! Anh hùng quân đội nhân dân mà sáu chục tuổi đầu còn phải đi đập xích lô để kiếm sống thì quả là tội nghiệp quá!

Người phu xe già thở dài:

– Chúng nó vắt chanh bỏ vỏ. Lốp chúng tớ hết thời rồi. Bây giờ, thân tớ ví như... một vì sao rụng.

Tôi giật mình, bốn tiếng “một vì sao rụng” hình như tôi đã nghe một lần ở đâu đó, lâu rồi...

Tôi vừa nường mắt quan sát, vừa moi trí nhớ, xem ông già này có nét gì quen không, thì bên bờ hồ có tiếng gọi:

– Xích lô! Xích lô!

Người phu xe chống hai tay lên đùi lấy đà, nhồm dậy thật nhanh:

– Mai tôi giả tiền nhá! Có khách, không lẹ căng, thằng khác nằng tay trên...

– Được mà! Khách quen, mai giả cũng được mà...

Tôi đang tính bắt chuyện với ông đại tá thì ông đã nhanh chân đẩy xe sang bên kia đường rước khách. Tiếc rằng cuộc hội ngộ mười lăm năm trước (tháng 5/1975) quá ngắn ngủi, tôi không nhớ rõ nét mặt của người khách lạ đã tới căn lầu đúc trong hẻm TK9, phường Nguyễn cảnh Chân, Quận 2 thăm tôi, một tuần lễ sau ngày Sài Gòn thất thủ. Tôi cố ôn chuyện cũ trong óc, gọi lại hình dáng năm xưa của ông thượng tá. Ông thượng tá Điện-Biên, anh hùng Quân-Đội Nhân-Dân Việt-Nam có đôi vai ngang, người phu xe già... cũng có đôi vai ngang. Thêm vào đó, thân hình người phu xe già cũng vạm vỡ, cao lớn, tiếng nói cũng oang oang, lờ lờ như ông thượng tá con quan Lang xứ Cao-Bằng.

Khi chiếc xích lô lẩn trong dòng xe nườm nượp giữa thủ đô, tôi cũng đứng dậy tiếp tục lang thang quanh bờ hồ. Suốt ngày hôm ấy, trong óc tôi cứ lờn vờn hình ảnh người phu xe già, với câu than thở, “Bây giờ, thân tớ ví như... một vì sao rụng”

Đêm thứ nhì, cũng là đêm cuối cùng trên đất Thăng-Long, tôi đứng bên này đường, trong ánh điện mờ. Bên kia đường là ga Hàng-Cỏ. Nơi này, bố tôi đã đưa tiễn mẹ con tôi lên tàu hỏa xuôi Hải-Dương, ngày tôi tròn bốn tuổi. Hôm ấy bố tôi bế tôi trên tay, tôi bập bẹ bài hát trẻ con đương thời hay hát, “Ai yêu Bác hơn chúng em...”

Bố bịt mồm tôi lại:

– Con ơi! Đừng hát bài này, bài hát không hay... Con hãy hứa với Bố, con sẽ không hát bài này nữa nhá!

Mẹ tôi gạt nước mắt, bế tôi lên tàu. Đứng bên đường, cạnh chiếc xe đạp, bố vẫy tay. Bố con tôi, từ đó, cho tới suốt đời tôi, không còn gặp nhau nữa. Vì hai năm sau, bố tôi đã bị giết. Những người mê say “bài hát không hay” đã giết bố tôi...

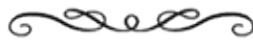
Mới đó, mà hơn bốn mươi năm qua! Đêm nay, trước ga Hàng-Cỏ, đứng bên cái cột đèn, nơi ngày xưa bố tôi đã đứng vẫy tay, tôi gọi thầm trong nước mắt:

– Bố ơi! Bố ơi!... Con nhớ Bố! Con thương Bố! Bố ơi!...

Năm giờ sáng hôm sau tôi phải vào ga để lên tàu về lại Sài Gòn. Ông chủ nhà dậy sớm khui gói chè móc câu Thái-Nguyên pha tiễn khách. Tôi bắt tay, nói lời cảm ơn người chủ nhà trọ, rồi bước ra đường.

Sáng mùa Thu Hà-Nội, buồn hắt hiu. Heo may nhè nhẹ. Điện đường lập lòe. Quán hàng còn đóng cửa. Vài chiếc xích lô vội vàng đưa khách vào ga. Còi tàu rúc từng hồi. Loa phóng thanh trên cột đèn và trên cổng ga còn im tiếng, vì chưa tới giờ phát đi những “bài hát không hay”.

Đứng trên sân ga Hàng-Cỏ, lòng tôi man mác băng khuâng. Vùng dương đang lên. Sao Mai mờ dần. Chân trời hừng đông màu tím nhạt. Có đôi vì sao đang rơi trong không trung mờ ảo mênh mông...



Vương Mộng Long